CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm DN ĐK danh nghĩa	PN 10 bar			PN 16 bar			PN 20 bar			PN 25 bar		
		Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán
		mm	*đồng/mét*		*mm*	*đồng/mét*		*mm*	*đồng/mét*		*mm*	*đồng/mét*	
1	20	2.3	22,182	24,000	2.8	24,727	26,700	3.4	27,455	29,700	4.1	30,364	32,800
2	25	2.8	39,636	42,800	3.5	45,636	49,300	4.2	48,182	52,000	5.1	50,364	54,400
3	32	2.9	51,364	55,500	4.4	61,727	66,700	5.4	70,909	76,600	6.5	77,909	84,100
4	40	3.7	68,909	74,400	5.5	83,636	90,300	6.7	109,727	118,500	8.1	119,091	128,600
5	50	4.6	101,000	109,100	6.9	133,000	143,600	8.3	170,545	184,200	10.1	190,000	205,200
6	63	5.8	160,545	173,400	8.6	209,000	225,700	10.5	268,818	290,300	12.7	299,273	323,200
7	75	6.8	223,273	241,100	10.3	285,000	307,800	12.5	372,364	402,200	15.1	422,727	456,500
8	90	8.2	325,818	351,900	12.3	399,000	430,900	15.0	556,727	601,300	18.1	608,000	656,600
9	110	10.0	521,545	563,300	15.1	608,000	656,600	18.3	783,727	846,400	22.1	902,545	974,700
10	125	11.4	646,000	697,700	17.1	788,545	851,600	20.8	1,054,545	1,138,900	25.1	1,211,273	1,308,200
11	140	12.7	797,091	860,900	19.2	959,545	1,036,300	23.3	1,339,545	1,446,700	28.1	1,596,000	1,723,700
12	160	14.6	1,087,727	1,174,700	21.9	1,330,000	1,436,400	26.6	1,781,273	1,923,800	32.1	2,067,182	2,232,600
13	180	16.4	1,713,818	1,850,900	24.6	2,382,636	2,573,200	29.0	2,800,636	3,024,700	36.1	3,218,636	3,476,100
14	200	18.2	2,079,545	2,245,900	27.4	2,946,909	3,182,700	33.2	3,448,545	3,724,400			

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm / DN / ĐK danh nghĩa	PN	Nối thẳng		Lơi (Nối góc 45°)		Co (Nối góc 90°)		Tê (Ba chạc 90°)		Đầu bịt ngoài	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
		bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
1	20	20.0	2,909	3,100	4,545	4,900	5,545	6,000	6,455	7,000	2,727	2,900
2	25	20.0	4,909	5,300	7,364	8,000	7,364	8,000	10,000	10,800	4,727	5,100
3	32	20.0	7,636	8,200	11,091	12,000	12,909	13,900	16,455	17,800	6,182	6,700
4	40	20.0	12,182	13,200	21,909	23,700	20,909	22,600	25,636	27,700	9,364	10,100
5	50	20.0	21,818	23,600	41,909	45,300	36,727	39,700	50,364	54,400	17,636	19,000
6	63	20.0	43,727	47,200	95,909	103,600	112,273	121,300	126,364	136,500	85,545	92,400
7	75	20.0	73,273	79,100	147,545	159,300	146,545	158,300	189,727	204,900	152,000	164,200
8	90	20.0	124,000	133,900	175,727	189,800	226,091	244,200	294,545	318,100	171,000	184,700
9	110	20.0	201,091	217,200	306,000	330,500	460,727	497,600	456,000	492,500	188,091	203,100
10	125	20.0	386,818	417,800			746,818	806,600	969,273	1,046,800		
11	140	20.0	552,273	596,500			995,727	1,075,400	1,038,545	1,121,600		
12	160	16.0					1,493,455	1,612,900	1,777,091	1,919,300		
13	160	20.0	773,636	835,500								
14	200	16.0					2,904,091	3,136,400				
15	200	20.0	1,374,909	1,484,900								

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm ĐK danh nghĩa	PN bar	Van		Van cửa		Zắc co nhựa (Đầu nối ống)		Ống tránh		Đầu nối bằng bích phun		Gioăng bích (Gioăng tròn)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
16	20						36,091	39,000						
17	20	20.0	141,545	152,900	190,000	205,200			14,273	15,400				
18	25						53,182	57,400						
19	25	20.0	191,909	207,300	218,545	236,000			26,636	28,800				
20	32						76,545	82,700						
21	32	20.0	221,364	239,100	313,545	338,600								
22	40						87,909	94,900						
23	40	20.0	342,909	370,300	527,727	569,900								
24	50						132,091	142,700						
25	50	20.0	584,273	631,000	823,000	888,800					171,000	184,700		
26	63						305,909	330,400						
27	63	20.0			1,268,091	1,369,500					211,636	228,600	20,545	22,200
28	75	20.0									327,545	353,700	22,818	24,600
29	90	20.0									374,000	403,900	29,273	31,600
30	110	20.0									491,636	531,000	50,182	54,200
31	125	20.0									802,545	866,700		
32	140	16.0									752,364	812,600		
33	125*	20.0									1,065,909	1,151,200	50,182	54,200
34	140*	20.0									1,517,364	1,638,800	62,727	67,700
35	160*	20.0									2,319,909	2,505,500	71,091	76,800
36	200*	20.0									4,890,636	5,281,900	92,000	99,400

Chú ý : **** - sản phẩm mặt bích hàn đối đầu***

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối chuyển bậc (Nối giảm)		Tê chuyển bậc (Ba chạc 90° chuyển bậc)		Đai khởi thủy hàn cắm	
	DN ĐK danh nghĩa	bar	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
36	25-20	20.0	4,545	4,900	10,000	10,800		
37	32-20	20.0	6,455	7,000	17,636	19,000		
38	32-25	20.0	6,455	7,000	17,636	19,000		
39	40-20	20.0	10,000	10,800	38,727	41,800	4,545	4,900
40	40-25	20.0	10,000	10,800	38,727	41,800		
41	40-32	20.0	10,000	10,800	38,727	41,800		
42	50-20	20.0	18,000	19,400	68,000	73,400	5,000	5,400
43	50-25	20.0	18,000	19,400	68,000	73,400	6,000	6,500
44	50-32	20.0	18,000	19,400	68,000	73,400		
45	50-40	20.0	18,000	19,400	68,000	73,400		
46	63-20	20.0					5,545	6,000
47	63-25	20.0	34,818	37,600	119,455	129,000	6,182	6,700
48	63-32	20.0	34,818	37,600	119,455	129,000	11,455	12,400
49	63-40	20.0	34,818	37,600	119,455	129,000		
50	63-50	20.0	34,818	37,600	119,455	129,000		
51	75-20	20.0					5,545	6,000
52	75-25	20.0					6,182	6,700
53	75-32	20.0	60,727	65,600	163,455	176,500	12,000	13,000
54	75-40	20.0	71,545	77,300	163,455	176,500	23,909	25,800
55	75-50	20.0	64,818	70,000	175,727	189,800		
56	75-63	20.0	64,818	70,000	163,455	176,500		

STT	Sản Phẩm	PN	Nối chuyển bậc (Nối giảm)		Tê chuyển bậc (Ba chạc 90° chuyển bậc)		Đai khởi thủy hàn cắm	
	DN ĐK danh nghĩa	bar	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
57	90-20	20.0					6,000	6,500
58	90-25	20.0					6,455	7,000
59	90-40	20.0					25,273	27,300
60	90-50	20.0	89,818	97,000	256,545	277,100	34,000	36,700
61	90-63	20.0	114,364	123,500	275,545	297,600		
62	90-75	20.0	114,364	123,500	303,091	327,300		
63	110-50	20.0	174,455	188,400			34,455	37,200
64	110-63	20.0	234,818	253,600	437,000	472,000		
65	110-75	20.0	224,545	242,500	437,000	472,000		
66	110-90	20.0	234,818	253,600	437,000	472,000		
67	125-63	20.0					64,364	69,500
68	125-110	20.0	373,727	403,600				
69	140-75	20.0			1,442,091	1,557,500		
70	140-90	20.0	534,818	577,600				
71	140-110	20.0	840,818	908,100				
72	160-110	20.0	796,364	860,100				
73	160-140	20.0	808,091	872,700				
74	200-125	20.0	1,431,727	1,546,300				
75	200-140	16.0			4,466,909	4,824,300		

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA PP-R

Tiêu chuẩn DIN 8078:2008

Hiệu lực từ ngày 01-02-2022 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối thẳng ren trong		Nối thẳng ren ngoài		Co ren trong (Nối góc 90° ren trong)		Co ren ngoài (Nối góc 90° ren ngoài)		Co ren trong kép (Nối góc 90° ren trong kép)	
	DN ĐK danh nghĩa	bar	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
76	20-1/2"	20.0	36,091	39,000	45,636	49,300	40,182	43,400	56,545	61,100		
77	25-1/2"	20.0	44,182	47,700	52,727	56,900	45,636	49,300	63,909	69,000	101,455	109,600
78	25-3/4"	20.0	49,273	53,200	63,636	68,700	61,455	66,400	75,545	81,600		
79	32-1"	20.0	80,364	86,800	94,091	101,600	113,545	122,600	120,273	129,900		
80	40-1.1/4"	20.0	199,091	215,000	273,636	295,500						
81	50-1.1/2"	20.0	264,091	285,200	342,000	369,400						
82	63-2"	20.0	534,455	577,200	579,545	625,900						
83	75-2.1/2"	20.0	760,818	821,700	888,273	959,300						
84	90-3"	20.0	1,525,727	1,647,800	1,795,545	1,939,200						
85	110-4"	20.0			3,021,000	3,262,700						

STT	Sản Phẩm	PN	Tê ren trong (Ba chạc 90° ren trong)		Tê ren ngoài (Ba chạc 90° ren ngoài)		Zắc co ren trong (Đầu nối ống)		Zắc co ren ngoài (Đầu nối ống)	
	DN ĐK danh nghĩa	bar	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
86	20-1/2"	20.0	40,545	43,800	49,909	53,900	86,000	92,900	91,727	99,100
87	25-1/2"	20.0	43,364	46,800	54,182	58,500				
88	25-3/4"	20.0	63,182	68,200	65,545	70,800	137,727	148,700	143,000	154,400
89	32-1"	20.0	137,909	148,900	137,727	148,700	201,909	218,100	224,727	242,700
90	40-1.1/4"	20.0					316,364	341,700	333,455	360,100
91	50-3/4"	20.0	266,000	287,300						
92	50-1-1/2"	20.0					551,000	595,100	588,545	635,600
93	63-2"	20.0					734,364	793,100	796,091	859,800